**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**(Ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

***(Quý I/ 2022)***

**1. Thông tin chung về Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (DFVN – FIX)**

**1.2. Mục tiêu của Quỹ:**

Quỹ hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

**1.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Tính đến cuối kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là -1.09% so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo.

**1.3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục bao gồm tín phiếu, trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

**Tài sản được phép đầu tư:**

* Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
* Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
* Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
* Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
* Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu ba mươi phần trăm (30%) giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện sau:
* Có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; có quy định tại Bản cáo bạch;
* Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
* Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
* Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**1.4. Phân loại Quỹ:**

Quỹ là quỹ đại chúng dạng mở.

**1.5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

**1.6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn thấp

**1.7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 04 tháng 02 năm 2021

**1.8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, số lượng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) đang lưu hành của Quỹ là 6,200,277.95 CCQ, tương đương với quy mô vốn của Quỹ theo mệnh giá là 62,002,779,500 Đồng Việt Nam (“VND”).

**1.9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:**

Quỹ không áp dụng chỉ số tham chiếu

**1.10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:**

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

* Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
* Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
* Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
* Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

**1.11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ:**

Quỹ chưa tiến hành phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**2. Số liệu hoạt động**

**2.1. Cơ cấu tài sản quỹ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2022**  **(%)** | **31/03/2021**  **(%)** |
| 1.Danh mục chứng khoán cơ cấu | 24.61% | 0.00% |
| 2.Tiền và tương đương tiền | 17.90% | 60.22% |
| 3.Tài sản khác | 57.49% | 39.78% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** |

**2.2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2022** | **31/03/2021** |
| 1. NAV của Quỹ (VND) | 62,384,987,022 | 60,559,036,890 |
| 2. Tổng CCQ đang lưu hành (số lượng) | 6,200,277.95 | 6,061,491.19 |
| 3. NAV của một đơn vị CCQ (VND) | 10,061.64 | 9,990.78 |
| 4. NAV cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10,154.27 | 9,992.59 |
| 5. NAV thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | 10,061.64 | 9,982.19 |
| 6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ (%) | -0.46% | Không áp dụng |
| 9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | -0.41% | Không áp dụng |
| 9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 0.22% | Không áp dụng |
| 10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ (VND) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 12.Ngày chốt quyền | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 2.32% | 2.80% |
| 14.Tốc độ vòng quay danh mục (%) | 0.3257 | - |

**2.3.Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 0.71% | Không áp dụng |
| - Từ khi thành lập | 0.62% | 0.53% |

**2.4. Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2022 (%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 0.71% |

**3. Mô tả thị trường trong kỳ:**

Kinh tế xã hội quý 1 năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu dần được khơi thông. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và Ukraina diễn ra đã ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu. Giá các loại hàng hóa trên thị trường thế giới tăng cao, đặc biệt là giá dầu thô, khí đốt tự nhiên và khí tự nhiên hóa lỏng tăng mạnh nhất kể từ năm 2011, tạo áp lực lớn đến lạm phát toàn cầu. Các tổ chức quốc tế đều giảm dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu so với trước đó. Riêng đối với Việt Nam, World bank đã hạ dự dự báo tăng trưởng GDP từ 5.5% trong năm 2022 xuống 5.3%. Mặc dù vậy kinh tế vĩ mô của Việt Nam vẫn được đánh giá ổn định, Fitch Rating trong kỳ đánh giá tháng 3 năm 2022 vẫn đánh giá Việt Nam ở mức BB với triển vọng tích cực.

Trong nước, Chính Phủ đã chỉ đạo mở cửa kinh tế sau dịch bệnh, với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ trong 2 năm 2022-2023. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công với các dự án hạ tầng trọng điểm làm động lực cho phát triển kinh tế toàn xã hội. Các chính sách này ban đầu được đánh giá đã phát huy tác động, hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - xã hội 3 tháng đầu năm 2022 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.

Trong bối cảnh như vậy, tổng sản phẩm nội địa (“GDP”) Quý 1 năm 2022 tăng trưởng 5.03%, mức tăng trưởng này cao hơn lần lượt 3.66% và 4.72% của cùng kỳ 2020 và 2021, nhưng vẫn thấp hơn mức 6.85% của quý 1 năm 2019. Trong cơ cấu GDP của Quý 1, khu vực tăng trưởng mạnh nhất là khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng trưởng 6.38%, khu vực dịch vụ tăng trưởng 4.58%, khu vực nông nghiệp tăng trưởng 2.45%. Đối với hoạt động ngoại thương, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa quý 1 năm 2022 đạt 176.4 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 88.6 tỷ USD, tăng 13%; nhập khẩu đạt 87.8 tỷ USD, tăng 16%. Với tốc độ tăng trưởng như vậy, hoạt động ngoại thương của Việt Nam được dự báo có thể đạt mức kỷ lục 700 tỷ USD trong năm 2022, gấp đôi quy mô GDP. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (“PMI”) tháng 03 năm 2022 ghi nhận tại mức 51.7 giảm so với mức 54.3 của tháng 2 năm 2022, PMI kỳ tháng 3 cho thấy mặc dù nhìn chung các điều kiện kinh doanh đang tốt lên, nhưng mức độ cải thiện kỳ này là ít đáng kể nhất trong thời kỳ tăng trưởng kéo dài sáu tháng gần đây. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (“FDI”) lũy kế quý 1 năm tương đối ổ định khi vốn giải ngân tăng nhẹ 7.8% đạt mức 4.4 tỷ USD, trong khi đó vốn đăng ký ngược dòng giảm 12% so với cùng kỳ năm trước tại mức 8.9 tỷ USD. Đối với kiểm soát lạm phát, mặc dù áp lực khá lớn từ giá dầu thế giới cũng như giá hàng hóa đầu vào tăng mạnh trong quý 1 nhưng lạm phát đã kiểm soát khá tốt, chỉ số giá tiêu dùng (“CPI”) tháng 3 năm 2022 ở mức 2.41% so với tháng 3 năm 2020, dưới mức mục tiêu 4%.

Đối với thị trường tiền tệ, trong Quý 1/2022 chỉ số Dollar Index (DXY) biến động khá mạnh trong hai tháng đầu năm do thị trường chuẩn bị cho việc FED nâng lãi suất và chiến tranh Ukraine. Giá trị đồng VNĐ cũng bị suy giảm trong tháng 3 do FED thắt chặt chính sách tiền tệ khiến đồng VNĐ mất giá so với đồng USD, tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng tỷ giá sẽ không quá bất ổn do lượng dự trữ ngoại hối của Việt Nam ở mức cao 109 tỷ USD, và Việt Nam tiếp tục xuất siêu trong 3 tháng đầu năm 2022. Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì ở mức cao, do thanh khoản trên thị trường liên ngân hàng không còn dư thừa nhiều so với đầu năm 2021, tín dụng ngân hàng cũng tăng trưởng khá với mức 4.03% YTD tính tới 21/3/2022. Dưới áp lực tăng của lạm phát và thanh khoản của thị trường vẫn duy trì ở mức tương đối cao, lợi suất trái phiếu tiếp tục tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, đặc biệt kỳ hạn ngắn tăng nhanh hơn so với kỳ hạn dài khiến cho đường cong lợi suất phẳng hơn.

**4. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 0.41% | 0.28% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -0.24% | -0.17% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 0.71% | 0.62% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 0.71% | 0.53% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | Không áp dụng | Không áp dụng |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | Không áp dụng | Không áp dụng |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu.

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường.

● Thay đổi NAV:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 31/03/2022 | 31/03/2021 | Tỷ lệ thay đổi |
| NAV của Quỹ | 62,384,987,022 | 60,559,036,890 | 3.02% |
| NAV trên 1 CCQ (“NAV/CCQ”) | 10,061.64 | 9,990.78 | 0.71% |

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại thời điểm báo cáo:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ (%)** |
| Dưới 5,000 | 568 | 134,753.51 | 2.17% |
| Từ 5,000 – dưới 10,000 | 2 | 14,743.56 | 0.24% |
| Từ 10,000 – dưới 50,000 | 2 | 50,780.88 | 0.82% |
| Từ 50,000 – dưới 500,000 | 0 | 0.00 | 0.00% |
| Trên 500,000 | 1 | 6,000,000.00 | 96.77% |
| **Tổng cộng** | **573** | **6,200,277.95** | **100.00%** |

**4.3.** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm. Tất cả các chi phí của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch.

**5. Thông tin về triển vọng thị trường**

Năm 2022, Chính phủ đã đặt mục tiêu đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và đây cũng là động lực quan trọng nhằm thúc đẩy kinh tế, hỗ trợ phục hồi sau đại dịch. Trong bối cảnh nguồn vốn huy động cho đầu tư phát triển từ quốc tế suy giảm, đặc biệt là vốn ODA, nguồn vốn huy động trong nước sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng và áp lực phát hành trái phiếu chính phủ là rất lớn.

Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước kỳ vọng vẫn sẽ tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng chủ động linh hoạt nhưng duy trì mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, xu hướng nâng lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương toàn cầu trong năm 2022 để đối mặt với áp lực lạm phát tăng cao cũng có thể tác động đến mặt bằng lãi suất và khiến cho thị trường Trái phiếu chính phủ Việt Nam càng trở nên rủi ro hơn trong năm 2022.

Kênh trái phiếu doanh nghiệp đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc khai thông nguồn vốn của doanh nghiệp, khi tín dụng ngân hàng trung và dài hạn khó có dư địa tăng trưởng mạnh để đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Tuy nhiên một số cá nhân tổ chức đã lợi dụng chính sách khuyến khích phát triển thị trường trái phiếu nhằm phát hành các loại trái phiếu kém chất lượng gây rủi ro cho thị trường và các nhà đầu tư. Cơ quan quản lý nhà nước hiện đang tích cực kiểm soát hoạt động này nhằm giúp cho thị trường phát triển lành mạnh hơn trong dài hạn.

**6. Thông tin khác**

**6.1. Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông** **Trần Châu Danh**  Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Điều hành Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh; * Cử nhân Ngân hàng, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh; * Thạc sỹ Kinh tế Phát triển, Chương trình Cao học Kinh tế Phát triển Việt Nam – Hà Lan, Thành phố Hồ Chí Minh; * Văn bằng Chuyên viên Phân tích Tài chính quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst); * Văn bằng Chuyên gia Phân tích Kỹ thuật Thị trường Chứng khoán CMT (Chartered Market Technician); * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông có hai mươi (20) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư. Ông đã tham gia hoạt động vào Thị trường Chứng khoán Việt nam từ khi thị trường mới được thành lập. Trước khi gia nhập Công ty, ông đã làm việc tại Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam với vai trò là Phó Tổng Giám đốc Đầu tư, phụ trách các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản nợ có từ năm 2011.Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, ông Danh từng giữ các vị trí chủ chốt tại các công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước, đặc biệt ông Danh có hơn bảy (07) năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments (trước đó có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Quản lý Quỹ Prudential Việt Nam). |
| **Ông** **Masafumi Takeshita**  Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro | ***Trình độ chuyên môn***   * Thạc sĩ Kinh tế, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản; * CMA level 2, Hiệp hội phân tích chứng khoán Nhật Bản (SAAJ).   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông đã có mười (10) năm kinh nghiệm làm việc và nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, đầu tư ở nước ngoài. Trước khi sang Việt Nam làm việc tại Công ty, ông đã có hơn bốn (04) năm kinh nghiệm ở vị trí cấp cao phụ trách hoạt động tín dụng của Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Nhật Bản; một trong những công ty bảo hiểm hàng đầu và uy tín tại Nhật Bản có trụ sở chính tại Tokyo. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại bộ phận phân tích của Ngân hàng Mizuho – Chi nhánh Singapore. |
| **Ông Đặng Vị Thanh**,  Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển Kinh doanh | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Kinh tế Thương mại, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, * Cử nhân Anh ngữ, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; * Chứng chỉ Quốc tế chuyên ngành Bảo hiểm Nhân thọ: Fellowship, Life Management Institue (FLMI); * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Ông đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, quản lý quỹ; trong đó hơn mười (10) năm được đề bạt vào các chức danh quản lý tại các công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, ông từng là Trưởng phòng Kinh doanh và Tiếp thị tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam và sau đó đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kinh doanh, Khối khách hàng cá nhân của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (trước đó có tên là VinaWealth). Ông có sự am hiểu sâu sắc về thị trường quỹ mở và tích cực đóng góp cho sự phát triển của thị trường quỹ mở tại Việt Nam. |

**6.2. Người điều hành Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bà Trần Thị Thu Hà,**  Phó Giám đốc Đầu tư | ***Trình độ chuyên môn***   * Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng của Trường Đại học khoa học Ứng dụng Tây Bắc Thụy Sỹ; * Cử nhân Quản trị kinh doanh – Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Bà đã có hơn mười lăm (15) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, trong đó hơn mười (10) năm làm việc trong lĩnh vực phân tích đầu tư các sản phẩm có thu nhập cố định của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam. Bà gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam từ năm 2010 và hiện giữ cương vị Phó Giám đốc Đầu tư, chịu trách nhiệm quản lý các danh mục đầu tư trái phiếu và công cụ tiền tệ tại Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bà từng phụ trách mảng nghiên cứu, phân tích đầu tư cho Công ty Indochina Land, một quỹ đầu tư bất động sản tại Việt Nam. |
| **Bà****Khuất Thị Thu Hiền,**  Phụ trách hoạt động giao dịch chứng khoán | ***Trình độ chuyên môn***   * Cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán; * Văn bằng Phân tích tài chính CFA của Học viện CFA (Mỹ) bậc 1; * Chứng chỉ hành nghề Quản lý Quỹ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.   ***Kinh nghiệm làm việc***  Bà đã có trên mười một (11) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán. Trong đó có hơn ba (3) năm kinh nghiệm và giữ chức vụ phụ trách hoạt động giao dịch chứng khoán của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam, bà đã có tám (8) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực môi giới chứng khoán tại Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, một công ty chứng khoán có vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Công ty Chứng khoán Mirae Asset (Hồng Kông), thành viên của Tập đoàn Tài chính Mirae Asset (Hàn Quốc). |

**6.3. Ban Đại diện Quỹ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ông Đỗ Hùng Việt**  Chủ tịch | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, đầu tư.  Ông từng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSC”). Trước đó, ông đã từng giữ cương vị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc HSC và Phó Chủ tịch Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (“VASB”). Trước khi gia nhập HSC, ông đã có bốn (4) năm làm việc tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (“HIFU”) với vị trí Trưởng phòng ủy thác. |
| **Ông Huỳnh Văn Dũng**  Thành viên | Ông đã có hơn hai mươi (20) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và cung cấp dịch vụ chuyên ngành trong lĩnh vực kiểm toán.  Ông hiện đang là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (“VAE”). Ông đã có thời gian đảm nhiệm cương vị Giám đốc của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn An Việt; và đã từng là Chủ nhiệm Kiểm toán cao cấp của VACO – Deloitte JV.  Ông có Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia (“CPA”), là thành viên Hội Kiểm toán Hành nghề Việt Nam (“VACPA”), thành viên Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam (“VAA”) và thành viên Hội tư vấn Thuế Việt Nam (“VTCA”). |
| **Ông Nguyễn Gia Huy Chương**  Thành viên | Ông đã có hai mươi (20) năm kinh nghiệm về tư vấn doanh nghiệp, tư vấn thuế và bất động sản. Công việc của ông chủ yếu trong các lĩnh vực: tư vấn về doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập và mở rộng danh mục khách hàng đến cả các lĩnh vực chuyên môn nhất: bất động sản, nghỉ dưỡng, xây dựng, tài chính công nghệ, y tế, ẩm thực và đồ uống (“F&B”), quản lý cảng, vận tải và viễn thông.  Hiện tại, ông đang đóng vai trò là Luật sư điều hành của Global Vietnam Lawyers LLC (“GV Lawyers”), một công ty luật quốc tế được thành lập gần đây bởi một nhóm luật sư tận tâm và giàu kinh nghiệm, những người đã tạo dựng và đẩy mạnh sự nghiệp của mình tại các công ty luật hàng đầu của Việt Nam. Trong đó, gần đây nhất, có Công ty luật Phước & Các Cộng sự (“Phuoc & Partners”). Ông đã có hơn 10 năm liên tục trong vai trò là Giám đốc và là Luật sư điều hành của Phuoc & Partners.  Ông có bằng Thạc sĩ luật chuyên ngành Luật Thương mại Quốc tế tại Trường Luật Bristol Law School, Đại học UWE Bristol, UK; là thành viên Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh và thành viên Hiệp hội Luật sư Châu Á Thái Bình Dương. |

*Tp, Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2022*

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**

**Trần Châu Danh**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**